



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-05298AMT9/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

21/11/2019  
Page 01/01

1. Tên mẫu  
Name of sample : MẪU NƯỚC TẠI VẠN NƯỚC CẤP VÀO KHU VỰC CHẢO CHIÊN  
LINE 01 – PHÂN XƯỞNG MÌ HCM 1  
Ký hiệu van: 1VC1 / HCM1  
Thời gian lấy mẫu/ Sampling time: 11<sup>h</sup>00 – 13/11/2019
2. Mô tả mẫu  
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu nước trong không màu, chứa trong chai nhựa, 03 chai x 1 L  
As received, the water sample was colorless, clear and contained in plastic bottle, 1 L x 03 units
3. Số lượng mẫu  
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 13/11/2019
5. Thời gian thử nghiệm  
Testing time : 14/11/2019 – 21/11/2019
6. Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM  
Lô số II-3, Đường CN 11, Nhóm CN II, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm  
Test results :

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic           | Phương pháp thử<br>Test method | Mức giới hạn tối đa cho phép theo<br>Maximum requirement level<br>QCVN 1:2009 /BYT | Kết quả thử nghiệm<br>Test result           |
|------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>VI. Vi Sinh Vật</b>                   |                                |                                                                                    |                                             |
| 7.1. Tổng số coliform,<br>Total coliform | CFU/ 100 mL                    | ISO 9308 – 1 : 2014                                                                | 0<br>Nhỏ hơn 1 <sup>(**)</sup><br>Less than |
| 7.2. Escherichia coli,                   | CFU/ 100 mL                    | ISO 9308 – 1 : 2014                                                                | 0<br>Nhỏ hơn 1 <sup>(**)</sup><br>Less than |

**Ghi chú / Notice:** (\*\*): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ the result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed.

TL. TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG  
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL  
TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB

Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.  
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.  
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.  
Estimated expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam  
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam  
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/1 – TTTN09



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-05298AMT9/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

21/11/2019  
Page 01/01

1. Tên mẫu  
Name of sample : MẪU NƯỚC TẠI VẠN NƯỚC CẤP VÀO KHU VỰC CHẢO CHIÊN  
LINE 01 – PHÂN XƯỞNG MÌ HCM 1  
Ký hiệu van: 1VC1 / HCM1  
Thời gian lấy mẫu/ Sampling time: 11<sup>h</sup>00 – 13/11/2019
2. Mô tả mẫu  
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu nước trong không màu, chứa trong chai nhựa, 03 chai x 1 L  
As received, the water sample was colorless, clear and contained in plastic bottle, 1 L x 03 units
3. Số lượng mẫu  
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 13/11/2019
5. Thời gian thử nghiệm  
Testing time : 14/11/2019 – 21/11/2019
6. Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM  
Lô số II-3, Đường CN 11, Nhóm CN II, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm  
Test results :

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                           | Phương pháp thử<br>Test method | Mức giới hạn tối đa cho phép theo<br>Maximum requirement level<br>QCVN 1:2009 /BYT | Giới hạn phát hiện<br>Limit of detection | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>IV. Hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</b>                            |                                |                                                                                    |                                          |                                   |
| 7.1. Hàm lượng tổng clo dư (Cl <sub>2</sub> ),<br>Total chlorine content | mg/L                           | TCVN 6225 – 2 : 2012                                                               | 0,3 – 0,5                                | 0,02<br>KPH                       |

**Ghi chú / Notice:**

KPH : Không phát hiện/ Not detected  
TCVN : Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

TL. TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG  
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL  
TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB

Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.  
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.  
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.  
Estimated expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam  
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam  
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/1 – TTTN09





TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-05298AMT9/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

21/11/2019  
Page 01/02

- Tên mẫu  
Name of sample : MẪU NƯỚC TẠI VẠN NƯỚC CÁP VÀO KHU VỰC CHẢO CHIÊN  
LINE 01 – PHẦN XƯƠNG MÌ HCM 1  
Ký hiệu van: IVC1 / HCM1
- Mô tả mẫu  
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu nước trong không màu, chứa trong chai nhựa, 03 chai x 1 L  
As received, the water sample was colorless, clear and contained in plastic bottle, 1 L x 03 units
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 13/11/2019
- Thời gian thử nghiệm  
Testing time : 14/11/2019 – 21/11/2019
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM  
Lô số II-3, Đường CN 11, Nhóm CN II, Khu Công Nghiệp Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm  
Test results : Xem trang / See page 02/02

TL. TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG  
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL  
TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the sample submitted only.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- N/A: không áp dụng. / Not applicable.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.  
Estimated expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.qltest3.com.vn  
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn  
CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3160 Fax: (84-28) 3742 3174 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/1 – TTTN09

KT3 – 05298AMT9/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

21/11/2019  
Page 02/02

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                                | Phương pháp<br>thử<br>Test method | Mức giới hạn tối đa cho phép theo yêu cầu<br>Maximum requirement level<br>QCVN 1:2009 – detection /BYT | Kết quả<br>thử nghiệm<br>Test result |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I. Chỉ tiêu cảm quan và thành phần vô cơ</b>                                               |                                   |                                                                                                        |                                      |
| 7.1. Độ màu / Color                                                                           | Pt. Co                            | TCVN 6185 : 2015 SMEWW                                                                                 | 15 5,0 KPH                           |
| 7.2. Mùi / Odor,                                                                              |                                   | 2150C : 2017 SMEWW                                                                                     | Không có mùi lạ - Không có mùi lạ    |
| 7.3. Độ đục / Turbidity                                                                       | NTU                               | 2130B : 2017 SMEWW                                                                                     | 2,0 0,5 KPH                          |
| 7.4. Độ pH ở 25 °C/ pH value at 25 °C                                                         |                                   | TCVN 6492 : 2011 SMEWW                                                                                 | 6,5 – 8,5 - 6,6                      |
| 7.5. Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> , mg/L<br>Total hardness as CaCO <sub>3</sub> |                                   | 2340C : 2017 SMEWW                                                                                     | 300 - 11,2                           |
| 7.6. Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ), mg/L<br>Chloride content                            |                                   | 4110B : 2017 SMEWW                                                                                     | 250 - 40,5                           |
| 7.7. Hàm lượng sắt (Fe), mg/L<br>Iron content                                                 |                                   | US EPA Method 200.8                                                                                    | 0,3 0,02 KPH                         |
| 7.8. Hàm lượng mangan (Mn), mg/L<br>Manganese content                                         |                                   | US EPA Method 200.8                                                                                    | 0,3 0,05 KPH                         |
| 7.9. Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ), mg/L<br>Nitrate content                |                                   | SMEWW 4110B : 2017                                                                                     | 50 - 12,3                            |
| 7.10. Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ), mg/L<br>Nitrite content               |                                   | SMEWW 4110B : 2017                                                                                     | 3,0 0,02 KPH                         |
| 7.11. Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ), mg/L<br>Sulfate content             |                                   | SMEWW 4110B : 2017                                                                                     | 250 - 8,0                            |
| 7.12. Chỉ số permanganate, mg/L<br>Permanganate index                                         |                                   | TCVN 6186 : 1996                                                                                       | 2,0 1,0 KPH                          |

**Ghi chú / Notice:** KPH : Không phát hiện/ Not detected  
TCVN : Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards  
US EPA: United States Environmental Protection Agency  
SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.qltest3.com.vn  
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn  
CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3160 Fax: (84-28) 3742 3174 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/2 – TTTN09